

Số: ...20.../2025/CV-MS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2025

V/v Cập nhật nội dung sau tự công bố và
bổ sung nhãn sản phẩm

Kính gửi: Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan trân trọng gửi lời cảm ơn đến sự hỗ trợ của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi là doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm THỰC PHẨM BỔ SUNG – THỨC UỐNG DINH DƯỠNG SỮA NGŨ CỐC LÚA MẠCH HƯƠNG VẢI theo Bản tự công bố sản phẩm số 012/MS/2024 (“TCB”), Công văn số 44/2024/CV-MS đã được Công ty tự công bố theo trình tự tại Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm.

Bằng công văn này, theo Khoản 4, Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP, Công ty xin thông báo:

- Bổ sung nội dung công bố Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu trong Danh mục chỉ tiêu và mức công bố của sản phẩm (Đính kèm Phụ lục và các phiếu kết quả kiểm nghiệm liên quan).
- Bổ sung mẫu nhãn hộp, thể tích thực: 180 ml cập nhật hình ảnh thiết kế, bố cục bao bì, mã kiểm soát nội bộ và thay đổi các nội dung như sau:
 - Điều chỉnh bổ sung nội dung ghi nhãn giá trị dinh dưỡng:

Giá trị dinh dưỡng trong 180 ml	
Năng lượng	148,9 kcal
Chất đạm	1,6 g
Carbohydrat	33,6 g
Đường tổng số	29,8 g
Chất béo	0,9 g
Natri	42,6 mg
Omega 3 (ALA)	≥ 5,9 mg
Vitamin C	≥ 16,8 mg
Vitamin B1	≥ 70,6 µg
Vitamin B3	≥ 0,9 mg
Vitamin B6	≥ 108,9 µg
Vitamin A	≥ 114,1 IU
Vitamin D3	≥ 14,8 IU

- Điều chỉnh nội dung quảng cáo trên nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn quảng cáo hiện tại	Nội dung ghi nhãn quảng cáo sau điều chỉnh
OMEGA 3	OMEGA 3 (ALA)
OMEGA 3 (ALA): góp phần phát triển não bộ	Cung cấp OMEGA 3 (ALA)
CÁC VITAMIN NHÓM B: hỗ trợ quá trình chuyển hóa năng lượng	Cung cấp VITAMIN NHÓM B
Sữa ngũ cốc* lúa mạch B'fast chứa ngũ cốc* giàu chất bổ dưỡng, cho trẻ năng lượng để học tập, vui chơi và Omega 3 góp phần phát triển não bộ.	Sữa ngũ cốc* lúa mạch B'fast chứa ngũ cốc* giàu chất bổ dưỡng, cho trẻ năng lượng để học tập, vui chơi.

- Bỏ nội dung quảng cáo “KIẾN THỨC DINH DƯỠNG DÀNH CHO MẸ”.



Handwritten signature

3. Bổ sung mẫu nhãn thùng, Thể tích thực: 8,64 L (12 lốc x 4 hộp x 180 ml) cập nhật hình ảnh thiết kế, bố cục bao bì, mã kiểm soát nội bộ và thay đổi nội dung quảng cáo “OMEGA 3” thành “OMEGA 3 (ALA)”.

Công ty cam kết chất lượng sản phẩm và các thông tin: tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo giữ nguyên không đổi với thông tin đã công bố. Đính kèm là các mẫu nhãn bổ sung.

Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu R&D, VT.



Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 012/MSC/2024

Theo công văn số 20/2025/CV-MSC

 CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN	NHÓM SẢN PHẨM ĐỒ UỐNG CÓ CHỨA SỮA	Số TCCS 10:2024/MS103
	THỰC PHẨM BỔ SUNG - THỨC UỐNG DINH DƯỠNG SỮA NGŨ CỐC LÚA MẠCH HƯƠNG VẢI	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng lỏng đồng nhất, không tách lớp, không lợn cợn.
- Màu sắc: Màu trắng đục.
- Mùi, vị: Mùi vải chín ngọt, kẹo sữa và sữa chua hài hòa. Vị ngọt, chua hài hòa, cảm giác béo. Không có vị lạ.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Giá trị năng lượng	kcal/100 ml	57,9 – 107,5
2	Hàm lượng chất đạm	g/100 ml	0,6 – 1,2
3	Hàm lượng carbohydrat	g/100 ml	13,1 – 24,3
4	Hàm lượng đường tổng số	g/100 ml	11,6 – 21,5
5	Hàm lượng chất béo	g/100 ml	0,4 – 0,7
6	Hàm lượng natri	mg/100 ml	16,6 – 30,8
7	Hàm lượng omega 3 (ALA)	mg/100 ml	≥ 3,3
8	Hàm lượng vitamin C (natri L-ascorbat) (*)	mg/100 ml	≥ 9,3
9	Hàm lượng vitamin B1 (thiamine hydrochloride) (*)	µg/100 ml	≥ 39,2
10	Hàm lượng vitamin B3 (niacinamide) (*)	mg/100 ml	≥ 0,5
11	Hàm lượng vitamin B6 (pyridoxine hydrochloride) (*)	µg/100 ml	≥ 60,5

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

12	Hàm lượng vitamin A (*)	IU/100 ml	$\geq 63,4$
13	Hàm lượng vitamin D3 (*)	IU/100 ml	$\geq 8,2$

(*) Mức đáp ứng Lượng dùng khuyến cáo hằng ngày cho người Việt Nam (RNI) được tính toán chi tiết ở mục 8.

3. **Các chỉ tiêu vi sinh vật:** Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 05/2011/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho nhóm đồ uống từ sữa dạng lỏng có hương vị)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/ml	< 1
2	<i>Listeria monocytogens</i>	CFU/ml	10^2

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm đồ uống đóng hộp và tiêu chuẩn của nhà sản xuất

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	0,02
2	Hàm lượng arsen (As)	mg/L	0,5
3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	0,05
5	Hàm lượng Thiếc (Sn)	mg/L	150

5. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sữa và các sản phẩm từ sữa (bao gồm cả sữa nguyên liệu)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin M1	$\mu\text{g/kg}$	0,5

6. **Hàm lượng các chất không mong muốn:** Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

33020
CÔN
CỔ
HÀNG
M
V

chính

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng melamine nhiễm chéo trong thực phẩm	mg/kg	2,5

- 7. Danh mục phụ gia thực phẩm:** tuân thủ theo Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 9 năm 2023 Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm cho nhóm sản phẩm 01.1.4 Đồ uống từ sữa dạng lỏng có hương vị

TT	Tên phụ gia	Chú thích
1	Pectin (440)	
2	Gôm xanthan (415)	
3	Acid citric (330)	
4	Acid lactic (L-, D- và DL-) (270)	
5	Trinatri citrat (331(iii))	
6	dl-alpha-Tocopherol (307c)	Đối với dạng dầu hoặc chất béo
7	Hương liệu (hương vải giống tự nhiên), hương liệu (tổng hợp, tự nhiên)	

- 8. Mức đáp ứng RNI của các vitamin:** Tính toán cho trẻ em 4 – 9 tuổi theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014.



Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

Handwritten signature

TT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố trong 100 ml sản phẩm	Lượng tiêu thụ khi dùng (2 hộp x 180 ml) sản phẩm (**)	Mức đáp ứng RNI, %	
				Trẻ em 4-6 tuổi	Trẻ em 7-9 tuổi
1	Hàm lượng vitamin B1	≥ 39,2 µg	≥ 0,141 mg	Khi dùng 2 hộp 180 ml	Khi dùng 2 hộp 180 ml
2	Hàm lượng vitamin B3	≥ 0,5 mg	≥ 1,8 mg	≥ 23,50	≥ 15,67
3	Hàm lượng vitamin B6	≥ 60,5 µg	≥ 0,218 mg	≥ 22,50	≥ 15,00
4	Hàm lượng vitamin C	≥ 9,3 mg	≥ 33,48 mg	≥ 36,33	≥ 21,80
5	Hàm lượng vitamin A	≥ 63,4 IU (tương đương 19,02 µg)	≥ 228,24 IU (tương đương 68,48 µg)	≥ 111,60	≥ 95,66
6	Hàm lượng vitamin D3	≥ 8,2 IU (tương đương 0,246 µg)	≥ 29,52 IU (tương đương 0,886 µg)	≥ 15,22	≥ 13,70
				≥ 17,72	≥ 17,72

$$(**) \text{ Lượng tiêu thụ khi dùng } = \frac{\text{Mức công bố} \times 180 \times 2}{100}$$

(2 hộp x 180 ml) sản phẩm

$$\text{Mức đáp ứng RNI} = \frac{\text{Lượng tiêu thụ khi dùng (2 hộp x 180 ml) sản phẩm} \times 100}{\text{(áp dụng cho trẻ em 4 – 9 tuổi) Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam}}$$

Lượng dùng khuyến nghị: 2 hộp 180 ml/ ngày

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty



Handwritten signature

Số: 19...../2025/CV-MSC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2025

V/v Cập nhật nội dung sau tự công bố và
bổ sung nhãn sản phẩm

Kính gửi: **Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Hậu Giang**

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan trân trọng gửi lời cảm ơn đến sự hỗ trợ của Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Hậu Giang trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi là doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm THỰC PHẨM BỔ SUNG – THỨC UỐNG DINH DƯỠNG SỮA NGŨ CỐC LÚA MẠCH HƯƠNG VẢI theo Bản tự công bố sản phẩm số 012/MSC/2024 (“TCB”), Công văn số 45/2024/CV-MSC đã được Công ty tự công bố theo trình tự tại Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật An toàn thực phẩm.

Bằng công văn này, theo Khoản 4, Điều 5 Nghị định 15/2018/NĐ-CP, Công ty xin thông báo:

- Bổ sung nội dung công bố Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu trong Danh mục chỉ tiêu và mức công bố của sản phẩm (Đính kèm Phụ lục và các phiếu kết quả kiểm nghiệm liên quan).
- Bổ sung mẫu nhãn hộp, thể tích thực: 180 ml cập nhật hình ảnh thiết kế, bộ cục bao bì, mã kiểm soát nội bộ và thay đổi các nội dung như sau:

- Điều chỉnh bổ sung nội dung ghi nhãn giá trị dinh dưỡng:

Giá trị dinh dưỡng trong 180 ml	
Năng lượng	148,9 kcal
Chất đạm	1,6 g
Carbohydrat	33,6 g
Đường tổng số	29,8 g
Chất béo	0,9 g
Natri	42,6 mg
Omega 3 (ALA)	≥ 5,9 mg
Vitamin C	≥ 16,8 mg
Vitamin B1	≥ 70,6 µg
Vitamin B3	≥ 0,9 mg
Vitamin B6	≥ 108,9 µg
Vitamin A	≥ 114,1 IU
Vitamin D3	≥ 14,8 IU

- Điều chỉnh nội dung quảng cáo trên nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn quảng cáo hiện tại	Nội dung ghi nhãn quảng cáo sau điều chỉnh
OMEGA 3	OMEGA 3 (ALA)
OMEGA 3 (ALA): góp phần phát triển não bộ	Cung cấp OMEGA 3 (ALA)
CÁC VITAMIN NHÓM B: hỗ trợ quá trình chuyển hóa năng lượng	Cung cấp VITAMIN NHÓM B
Sữa ngũ cốc* lúa mạch B'fast chứa ngũ cốc* giàu chất bổ dưỡng, cho trẻ năng lượng để học tập, vui chơi và Omega 3 góp phần phát triển não bộ.	Sữa ngũ cốc* lúa mạch B'fast chứa ngũ cốc* giàu chất bổ dưỡng, cho trẻ năng lượng để học tập, vui chơi.

- Bỏ nội dung quảng cáo “KIẾN THỨC DINH DƯỠNG DÀNH CHO MẸ”.



Handwritten signature

3. Bổ sung mẫu nhãn thùng, Thể tích thực: 8,64 L (12 lốc x 4 hộp x 180 ml) cập nhật hình ảnh thiết kế, bố cục bao bì, mã kiểm soát nội bộ và thay đổi nội dung quảng cáo “OMEGA 3” thành “OMEGA 3 (ALA)”.

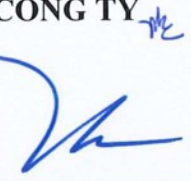
Công ty cam kết chất lượng sản phẩm và các thông tin: tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo giữ nguyên không đổi với thông tin đã công bố. Đính kèm là các mẫu nhãn bổ sung.

Chân thành cảm ơn Quý cơ quan hỗ trợ tiếp nhận và lưu trữ thông tin sản phẩm, tạo điều kiện cho Công ty sản xuất kinh doanh phục vụ người tiêu dùng.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu R&D, VT.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY 

Huỳnh Công Hoàn





Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản Tự công bố số 012/MS/2024

Theo công văn số 19...../2025/CV-MS/



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN	NHÓM SẢN PHẨM ĐỒ UỐNG CÓ CHỨA SỮA	Số TCCS 10:2024/MS103
	THỰC PHẨM BỔ SUNG - THỨC UỐNG DINH DƯỠNG SỮA NGŨ CỐC LÚA MẠCH HƯƠNG VẢI	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

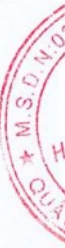
- Trạng thái: Dạng lỏng đồng nhất, không tách lớp, không lợn cợn.
- Màu sắc: Màu trắng đục.
- Mùi, vị: Mùi vải chín ngọt, kẹo sữa và sữa chua hài hòa. Vị ngọt, chua hài hòa, cảm giác béo. Không có vị lạ.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Giá trị năng lượng	kcal/100 ml	57,9 – 107,5
2	Hàm lượng chất đậm	g/100 ml	0,6 – 1,2
3	Hàm lượng carbohydrat	g/100 ml	13,1 – 24,3
4	Hàm lượng đường tổng số	g/100 ml	11,6 – 21,5
5	Hàm lượng chất béo	g/100 ml	0,4 – 0,7
6	Hàm lượng natri	mg/100 ml	16,6 – 30,8
7	Hàm lượng omega 3 (ALA)	mg/100 ml	≥ 3,3
8	Hàm lượng vitamin C (natri L-ascorbat) (*)	mg/100 ml	≥ 9,3
9	Hàm lượng vitamin B1 (thiamine hydrochloride) (*)	µg/100 ml	≥ 39,2
10	Hàm lượng vitamin B3 (niacinamide) (*)	mg/100 ml	≥ 0,5
11	Hàm lượng vitamin B6 (pyridoxine hydrochloride) (*)	µg/100 ml	≥ 60,5

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty



Handwritten signature.

12	Hàm lượng vitamin A (*)	IU/100 ml	$\geq 63,4$
13	Hàm lượng vitamin D3 (*)	IU/100 ml	$\geq 8,2$

(*) Mức đáp ứng Lượng dùng khuyến cáo hằng ngày cho người Việt Nam (RNI) được tính toán chi tiết ở mục 8.

- 3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:** Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 05/2011/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho nhóm đồ uống từ sữa dạng lỏng có hương vị)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/ml	< 1
2	<i>Listeria monocytogens</i>	CFU/ml	10^2

- 4. Hàm lượng kim loại nặng:** Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm đồ uống đóng hộp và tiêu chuẩn của nhà sản xuất

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/L	0,02
2	Hàm lượng arsen (As)	mg/L	0,5
3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/L	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/L	0,05
5	Hàm lượng Thiếc (Sn)	mg/L	150

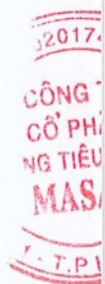
- 5. Hàm lượng độc tố vi nấm:** Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sữa và các sản phẩm từ sữa (bao gồm cả sữa nguyên liệu)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin M1	$\mu\text{g/kg}$	0,5

- 6. Hàm lượng các chất không mong muốn:** Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty



Handwritten signature

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng melamine nhiễm chéo trong thực phẩm	mg/kg	2,5

- 7. Danh mục phụ gia thực phẩm:** tuân thủ theo Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 9 năm 2023 Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm cho nhóm sản phẩm 01.1.4 Đồ uống từ sữa dạng lỏng có hương vị

TT	Tên phụ gia	Chú thích
1	Pectin (440)	
2	Gôm xanthan (415)	
3	Acid citric (330)	
4	Acid lactic (L-, D- và DL-) (270)	
5	Trinatri citrat (331(iii))	
6	dl-alpha-Tocopherol (307c)	Đối với dạng dầu hoặc chất béo
7	Hương liệu (hương vải giống tự nhiên), hương liệu (tổng hợp, tự nhiên)	

- 8. Mức đáp ứng RNI của các vitamin:** Tính toán cho trẻ em 4 – 9 tuổi theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty

40-C
Y
N
DÙNG
IN
Ồ CHỈ

24/11

TT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố trong 100 ml sản phẩm	Lượng tiêu thụ khi dùng (2 hộp x 180 ml) sản phẩm (**)	Mức đáp ứng RNI, %	
				Trẻ em 4-6 tuổi	Trẻ em 7-9 tuổi
1	Hàm lượng vitamin B1	≥ 39,2 µg	≥ 0,141 mg	≥ 23,50	Khi dùng 2 hộp 180 ml ≥ 15,67
2	Hàm lượng vitamin B3	≥ 0,5 mg	≥ 1,8 mg	≥ 22,50	≥ 15,00
3	Hàm lượng vitamin B6	≥ 60,5 µg	≥ 0,218 mg	≥ 36,33	≥ 21,80
4	Hàm lượng vitamin C	≥ 9,3 mg	≥ 33,48 mg	≥ 111,60	≥ 95,66
5	Hàm lượng vitamin A	≥ 63,4 IU (tương đương 19,02 µg)	≥ 228,24 IU (tương đương 68,48 µg)	≥ 15,22	≥ 13,70
6	Hàm lượng vitamin D3	≥ 8,2 IU (tương đương 0,246 µg)	≥ 29,52 IU (tương đương 0,886 µg)	≥ 17,72	≥ 17,72

$$(**) \text{ Lượng tiêu thụ khi dùng } = \frac{\text{Mức công bố} \times 180 \times 2}{100}$$

(2 hộp x 180 ml) sản phẩm

$$\text{Mức đáp ứng RNI} = \frac{\text{Lượng tiêu thụ khi dùng (2 hộp x 180 ml) sản phẩm} \times 100}{\text{(áp dụng cho trẻ em 4 - 9 tuổi) Lượng dùng khuyến cáo hằng ngày cho người Việt Nam}}$$

Lượng dùng khuyến nghị: 2 hộp 180 ml/ ngày

Bản tự công bố này được đăng tải tại: <http://www.masanconsumer.com/>

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty



Handwritten signature

KT3-04688ATP4/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

05/07/2024
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : THỰC PHẨM BỔ SUNG – THỨC UỐNG DINH DƯỠNG SỮA NGŨ CỐC LÚA MẠCH HƯƠNG VẢI
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and brand.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 02/07/2024
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 03/07/2024 - 05/07/2024
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-04688ATP4/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



05/07/2024
Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng béo, g/100 mL Fat content	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		-	0,44
7.2. Hàm lượng béo bão hòa, g/100 mL Saturated fat content	QTTN/KT3 268:2020 (Ref: AOAC (996.06))		-	0,39
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm xơ, g/100 mL Carbohydrate content not include fiber	AOAC (2020.07)		-	17,9
7.4. Năng lượng ^(*) / Calories • kcal/100 mL	QTTN/KT3 024:2018		-	79
7.5. Hàm lượng đường tổng số ⁽¹⁾ , g/100 mL Total sugar content	QTTN/KT3 096 : 2017		-	15,7
7.6. Hàm lượng protein, g/100 mL Protein content	TCVN 8099-1:2015 Kjeldahl method		-	0,90
7.7. Hàm lượng natri, mg/100 mL Sodium content	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		23,1

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 6,38 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(1): Hàm lượng đường tổng số / Total sugar content (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose +xylose).



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Màng phức hợp giấy sữa B Fast ngũ cốc hương vải TBA 200SL 180ml
Mã kiểm soát AW: BNMS00017-10-2024/MS103

Sản phẩm chất lượng của **Masan**
consumer

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Số 23 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Sản xuất tại Việt Nam

BNMS00017

* Lúa mạch và yến mạch là các loại ngũ cốc



Mã kiểm soát nội bộ, có thể thay đổi theo
nhu cầu quản lý nhãn.

Thành phần

Nước, dịch sữa ngũ cốc lúa mạch 150 g/L (nước, sữa bột
gây 25 g/L, bột chiết xuất lúa mạch và mầm lúa mạch
100 mg/L, bột yến mạch 100 mg/L), đường, xirô
fructose-glucose, nước ép táo cô đặc 18 g/L, bột kem
thực vật, chất ổn định (440, 415), chất điều chỉnh độ
acid (330, 270, 331 (iii)), hương liệu (hương vải giống tự
nhiên), hương liệu (tổng hợp, tự nhiên), vitamin C
(natri L-ascorbat), hạnh nhân nghiền, hạt dẻ cười
nghiên, hạt mắc ca nghiền, bột chiết xuất dầu dừa, bột
chiết xuất đậu đen, dầu hạt lanh, hỗn hợp vitamin
(vitamin B3 (nicotinamid), maltodextrin, vitamin A
dạng bột sấy phun (retinyl acetat), vitamin B1 (thiamin
hydroclorid), vitamin D3 (cholecalciferol), vitamin B6
(pyridoxin hydroclorid)), chất chống oxy hóa (307c).



Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì
Hạn sử dụng (HSD): 08 tháng kể từ ngày sản xuất
Lượng dùng khuyến nghị: Sử dụng theo nhu cầu,
khuyến nghị 2 hộp/ngày đối với trẻ em trên 3 tuổi.
Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Tư vấn khách hàng: 1800 6068
Sản xuất theo số TCCS 10:2024/MS103
Dành riêng cho thị trường Việt Nam,
không dành cho xuất khẩu.
Exclusively for sale in Vietnam.
Exports are not authorized.

**Thực phẩm bổ sung -
Thức Uống Dinh Dưỡng
Sữa Ngũ Cốc* Lúa Mạch
Hương Vải**
Thể tích thực: 180 ml

Màng phức hợp giấy sữa B'fast ngũ cốc hương vải TBA 200SL 180ml
Mã kiểm soát AW: BNMS00017-10:2024/MS103



SỮA NGŨ CỐC*

LÚA MẠCH

Giá trị dinh dưỡng trong 180 ml	
Năng lượng	148,9 kcal
Chất đạm	1,6 g
Carbohydrat	33,6 g
Đường tổng số	29,8 g
Chất béo	0,9 g
Natri	42,6 mg
Omega 3 (ALA)	≥ 5,9 mg
Vitamin C	≥ 16,8 mg
Vitamin B1	≥ 70,6 µg
Vitamin B3	≥ 0,9 mg
Vitamin B6	≥ 108,9 µg
Vitamin A	≥ 114,1 IU
Vitamin D3	≥ 14,8 IU

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ sữa, lúa mạch, yến mạch, hạnh nhân, hạt dẻ cười và hạt mắc ca. Nguyên liệu có thể lắng và thay đổi màu sắc trong quá trình bảo quản, không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Hướng dẫn sử dụng:

Lắc đều trước khi sử dụng. Ngon hơn khi uống lạnh. Sản phẩm sử dụng cho 1 lần uống. Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

* Lúa mạch và yến mạch là các loại ngũ cốc



CHÍNH SÁCH

THÊM VÀO GIỎ HÀNG

17-02-2025

Màng phức hợp giấy sữa B'fast ngũ cốc hương vải TBA 200SL 180ml
Mã kiểm soát AW: BNMS00017 - 10:2024/MS103



Sữa ngũ cốc* lúa mạch **B'fast** chứa ngũ cốc giàu chất bổ dưỡng, cho trẻ năng lượng để học tập, vui chơi.

HƯƠNG VẢI

Ngày...
Ký...

KIỂM TRA ĐƯỢC PHÒNG

17-02-2025



Thùng carton sữa B'fast
ngũ cốc hương vải 180ml
(417x253x125)mm

Mã kiểm soát AW:

BGTS00068 -

10:2022/MS103

17-02-2025



Thùng carton sữa B'fast ngũ cốc hương vải 180ml (417x253x125)mm
Mã kiểm soát AW: BGTS00068 10:2022/MS103

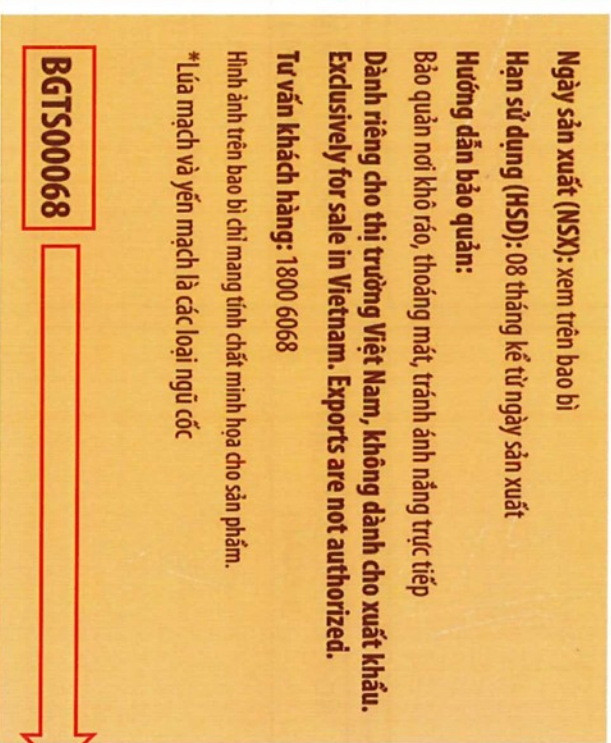
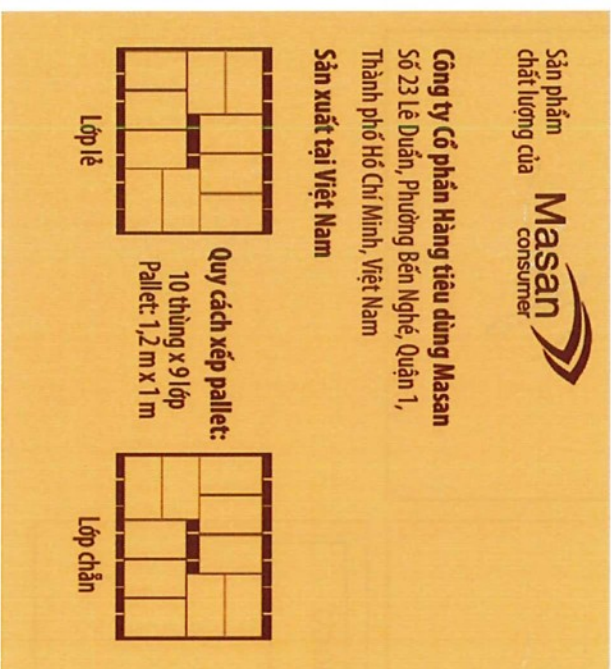
Mã kiểm soát nội bộ, có thể thay đổi
theo nhu cầu quản lý nhãn.



OMEGA 3 (ALA)

Thực phẩm bổ sung - Thức Uống Dinh Dưỡng
Sữa Ngũ Cốc* Lúa Mạch Hương Vải
Thể tích thực: 8,64 L (12 lốc x 4 hộp x 180 ml)

Thùng carton sữa B'fast ngũ cốc hương vải 180ml (417x253x125)mm
Mã kiểm soát AW: BGTS00068 10/2022/MS103



Mã kiểm soát nội bộ, có thể thay đổi theo
nhu cầu quản lý nhãn.